



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 02-2021/CV-MWG
“V/v giải trình chênh lệch BCTC
6 tháng đầu năm 2021”

TP.HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ theo khoản 4 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình nguyên nhân khi xảy ra các trường hợp sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
3. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động xin được giải trình sự thay đổi trên 10% giữa Báo cáo tài chính (BCTC) quý II/2021 so với BCTC quý II/2020 như sau:

Giải trình cho BCTC hợp nhất quý II/2021 so với cùng kỳ năm 2020

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý II/2021 đạt 1.213 tỷ VNĐ, tăng 36% so với quý II/2020 là 894 tỷ VNĐ. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 2.552 tỷ VNĐ, tăng 26% so với lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 là 2.027 tỷ VNĐ. Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 54% kế hoạch lợi nhuận cả năm là 4.750 tỷ đồng.

Nguyên nhân:

- MWG tăng thêm hơn 1.000 cửa hàng so với cuối quý II/2020, trong đó bao gồm 687 cửa hàng ĐMX mới (bao gồm các cửa hàng TGDĐ chuyển đổi và ĐMX supermini) và 402 cửa hàng BHX mới. Doanh thu thuần hợp nhất quý II/2021 là 31.658 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.
- Biên lợi nhuận riêng quý II cao hơn so với cùng kỳ chủ yếu do nền so sánh thấp của năm 2020 khi hoạt động kinh doanh chịu tác động lớn của đợt giãn cách toàn xã hội đầu tiên vào tháng 4/2020.

Giải trình cho BCTC riêng quý II/2021 so với quý II/2020

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ quý II/2021 đạt 4,7 tỷ VNĐ, giảm 99,8% so với quý II/2020 là 2.298 tỷ VNĐ.

Nguyên nhân: Công ty Mẹ không có thu nhập từ cổ tức trong Quý II/2020.



Trân trọng!

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Lê Thị Thu Trang



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 3 - 4 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 5 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 6 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 7 - 21 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài | Chủ tịch | |
| Ông Trần Kinh Doanh | Thành viên điều hành | |
| Ông Đặng Minh Lượm | Thành viên điều hành | |
| Ông Đoàn Văn Hiếu Em | Thành viên điều hành | |
| Ông Thomas Lanyi | Thành viên không điều hành | |
| Ông Robert Willet | Thành viên không điều hành | |
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Thành viên không điều hành | |
| Ông Đào Thế Vinh | Thành viên độc lập | |
| Ông Nguyễn Tiến Trung | Thành viên độc lập | bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Đỗ Tiến Sĩ | Thành viên độc lập | bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Thành viên | miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2021 |

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy Ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tiến Trung | Chủ tịch | bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Thành viên | bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Đào Thế Vinh | Thành viên | |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Thành viên | miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2021 |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|--------------------|
| Ông Trần Kinh Doanh | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Trọng | Giám đốc Kỹ thuật |
| Ông Vũ Đăng Linh | Giám đốc Tài chính |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 13 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021


VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
|------------|---|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 5.540.605.247.438 | 1.750.488.535.287 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 462.334.869.158 | 4.476.161.365 |
| 111 | 1. Tiền | | 462.334.869.158 | 4.476.161.365 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 5.054.195.810.498 | 1.738.084.660.577 |
| 135 | 1. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 5 | 3.121.655.000.000 | 1.696.375.000.000 |
| 136 | 2. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 1.932.540.810.498 | 41.709.660.577 |
| 150 | III. Tài sản ngắn hạn khác | | 24.074.567.782 | 7.927.713.345 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 22.313.715.068 | 7.637.928.082 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.760.852.714 | - |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | - | 289.785.263 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 15.041.217.541.707 | 15.041.217.541.707 |
| 210 | I. Khoản phải thu dài hạn | | 1.126.500.000.000 | 1.126.500.000.000 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 5 | 1.126.500.000.000 | 1.126.500.000.000 |
| 250 | II. Đầu tư tài chính dài hạn | 7 | 13.914.717.541.707 | 13.914.717.541.707 |
| 251 | 1. Đầu tư vào các công ty con | 7.1 | 13.852.678.791.707 | 13.852.678.791.707 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | 7.2 | 62.038.750.000 | 62.038.750.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 20.581.822.789.145 | 16.791.706.076.994 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
|------------|---|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 5.985.511.897.075 | 3.029.111.712.275 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 4.856.565.230.424 | 1.902.435.045.622 |
| 313 | 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 1.177.755.055 | 2.669.603.062 |
| 315 | 2. Chi phí phải trả ngắn hạn | 8 | 83.811.905.240 | 42.567.680.643 |
| 319 | 3. Phải trả ngắn hạn khác | 9 | 152.320.956.714 | 2.597.761.917 |
| 320 | 4. Vay ngắn hạn | 10 | 4.619.254.613.415 | 1.854.600.000.000 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1.128.946.666.651 | 1.126.676.666.653 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 10 | 1.128.946.666.651 | 1.126.676.666.653 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 14.596.310.892.070 | 13.762.594.364.719 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 11.1 | 14.596.310.892.070 | 13.762.594.364.719 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 4.754.311.970.000 | 4.532.099.870.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 4.754.311.970.000 | 4.532.099.870.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 522.021.325.200 | 522.021.325.200 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (1.206.980.000) | (6.040.930.000) |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 9.321.184.576.870 | 8.714.514.099.519 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 8.714.514.099.519 | 2.117.846.189.530 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 606.670.477.351 | 6.596.667.909.989 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 20.581.822.789.145 | 16.791.706.076.994 |


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Trần Kim Doanh
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ kế sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 | | Kỳ kế sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 | |
|---|-------|-------------|--|--------------------------|--|----------------------------|
| | | | Số quý này Năm nay VNĐ | Số lũy kế Năm nay VNĐ | Số quý này Năm trước VNĐ | Số lũy kế Năm trước VNĐ |
| 1 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 12 | 80.256.749.616 | 755.928.464.790 | 2.331.256.220.950 | 3.162.951.975.780 |
| 2 Chi phí tài chính | 22 | 13 | (72.509.305.911) | (143.288.354.876) | (31.600.376.508) | (63.250.589.089) |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | (72.509.305.911) | (143.288.354.876) | (31.600.376.508) | (63.250.589.089) |
| 3 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | (1.860.335.195) | (4.218.745.263) | (1.712.903.931) | (2.990.049.140) |
| 4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.887.108.510 | 608.421.364.651 | 2.297.942.940.511 | 3.096.711.337.551 |
| 5 Thu nhập khác | 31 | | 77 | 14.046.291 | - | 9.593 |
| 6 Chi phí khác | 32 | | - | - | - | - |
| 7 Lỗ khác | 40 | | 77 | 14.046.291 | - | 9.593 |
| 8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.887.108.587 | 608.435.410.942 | 2.297.942.940.511 | 3.096.711.347.144 |
| 9 Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 14.1 | (1.177.421.717) | (1.764.933.591) | - | - |
| 10 Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 4.709.686.870 | 606.670.477.351 | 2.297.942.940.511 | 3.096.711.347.144 |

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



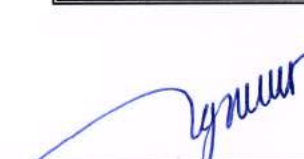
Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 |
|-----------|--|-------------|--|--|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 608.435.410.942 | 3.096.711.347.144 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (755.928.464.790) | (3.162.951.975.780) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 13 | 143.288.354.876 | 63.250.589.089 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (4.204.698.972) | (2.990.039.547) |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (1.830.715.041.553) | (111.156.938.580) |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 148.672.126.000 | (86.297.170.805) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (25.207.265.753) | (8.582.465.754) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (89.683.430.724) | (60.503.395.072) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (297.726.611) | - |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (1.801.436.037.613) | (269.530.009.758) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (2.090.900.000.000) | (890.575.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 597.220.000.000 | 693.700.090.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (2.883.116.750.000) |
| 27 | Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức | | 761.274.081.991 | 3.161.508.419.538 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư | | (732.405.918.009) | 81.516.759.538 |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 11.1 | 228.253.030.000 | 105.200.450.000 |
| 32 | Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 11.1 | (1.206.980.000) | (3.925.610.000) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 3.228.754.613.415 | 464.100.000.000 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 10 | (464.100.000.000) | (464.000.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 2.991.700.663.415 | 101.374.840.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 457.858.707.793 | (86.638.410.220) |
| 60 | Tiền đầu kỳ | | 4.476.161.365 | 87.872.626.449 |
| 70 | Tiền cuối kỳ | 4 | 462.334.869.158 | 1.234.216.229 |


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Trần Kim Doanh
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 7 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp và một (1) công ty liên kết như sau:

| Tên công ty | Trụ sở | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%) | |
|---|---------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| | | | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Công ty con | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,95 | 99,95 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Thương mại thực phẩm | 99,95 | 99,95 |
| Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,33 | 99,33 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Công nghệ thông tin | 100,00 | 100,00 |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Bán lẻ dược phẩm | 49,00 | 49,00 |

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 13 tháng 8 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

| | VND | |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Tiền gửi ngân hàng | <u>462.334.869.158</u> | <u>4.476.161.365</u> |

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Phải thu về cho vay thể hiện khoản cho các công ty vay tín chấp, vô thời hạn và hưởng lãi suất từ 6,5%/năm đến 8,5%/năm

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|--|---------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 15) | 1.862.556.179.683 | 41.154.416.062 |
| Khác | <u>69.984.630.815</u> | <u>555.244.515</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>1.932.540.810.498</u> | <u>41.709.660.577</u> |

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | VND | |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 7.1) | 13.852.678.791.707 | 13.852.678.791.707 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 7.2) | <u>62.038.750.000</u> | <u>62.038.750.000</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>13.914.717.541.707</u> | <u>13.914.717.541.707</u> |

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| Tên công ty | Địa chỉ | Hoạt động chính | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | |
|--|-------------------------------|--------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------|---------------------------|--------------------|
| | | | % sở hữu | Giá gốc đầu tư VND | Dự phòng VND | % sở hữu | Giá gốc đầu tư VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (*) | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thương mại thực phẩm | 99,95 | 9.626.831.940.000 | - | 99,95 | 9.626.831.940.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (*) | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,95 | 2.826.909.551.000 | - | 99,95 | 2.826.909.551.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,33 | 860.937.300.707 | - | 99,33 | 860.937.300.707 | - |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Công nghệ thông tin | 100,00 | 538.000.000.000 | - | 100,00 | 538.000.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | | | 13.852.678.791.707 | - | | 13.852.678.791.707 | - |

7.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | |
|------------------------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------|-----------------------|--------------------|
| | | | % sở hữu | Giá gốc đầu tư VND | Dự phòng VND | % sở hữu | Giá gốc đầu tư VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Bán lẻ dược phẩm | 49,00 | 62.038.750.000 | - | 49,00 | 62.038.750.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Chi phí lãi vay | 83.197.126.030 | 25.672.672.306 |
| Phí thu xếp hạn mức | - | 16.721.008.337 |
| Khác | <u>614.779.210</u> | <u>174.000.000</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>83.811.905.240</u> | <u>42.567.680.643</u> |

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Nhận tạm ứng cổ tức | 150.000.000.000 | - |
| Khác | <u>2.320.956.714</u> | <u>2.597.761.917</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>152.320.956.714</u> | <u>2.597.761.917</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 15)</i> | <i>150.010.500.000</i> | <i>-</i> |
| <i>Phải trả khác từ các bên khác</i> | <i><u>2.310.456.714</u></i> | <i><u>2.597.761.917</u></i> |

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. VAY

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| Ngắn hạn | 1.854.600.000.000 | 3.228.754.613.415 | (464.100.000.000) | 4.619.254.613.415 |
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 10.1) | 1.854.600.000.000 | 3.228.754.613.415 | (464.100.000.000) | 4.619.254.613.415 |
| Dài hạn | 1.126.676.666.653 | 2.269.999.998 | - | 1.128.946.666.651 |
| Trái phiếu thông thường (Thuyết minh số 10.2) | 1.126.676.666.653 | 2.269.999.998 | - | 1.128.946.666.651 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.981.276.666.653</u> | <u>3.231.024.613.413</u> | <u>(464.100.000.000)</u> | <u>5.748.201.280.066</u> |

10.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND | Kỳ hạn trả gốc |
|---|---------------------------------|--|
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Singapore) | 2.768.400.000.000 | Ngày 8 tháng 1 năm 2022 |
| Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore | 1.850.854.613.415 | Từ ngày 11 tháng 8 năm 2021 đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 |
| TỔNG CỘNG | <u>4.619.254.613.415</u> | |

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. VAY (tiếp theo)

10.2 Trái phiếu thường trong nước

| Trái chủ | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND | Lãi suất (%/năm) | Ngày đáo hạn | Mục đích | Tài sản đảm bảo |
|--|------------------------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------|
| Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) | 480.000.000.000 | 6,55 | Ngày 17 tháng 11 năm 2022 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam | 470.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) | 100.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam | 45.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam | 40.000.000.000 | | | | |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (6.053.333.349) | | | | |
| TỔNG CỘNG | 1.128.946.666.651 | | | | |

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tin thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|--------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| <i>VND</i> | | | | | |
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 4.435.461.780.000 | 519.117.889.700 | (5.658.924.500) | 2.796.755.030.530 | 7.745.675.775.730 |
| Phát hành cổ phiếu | 96.638.090.000 | 2.903.435.500 | 5.658.924.500 | - | 105.200.450.000 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (3.925.610.000) | - | (3.925.610.000) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 3.096.711.347.144 | 3.096.711.347.144 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2020 | <u>4.532.099.870.000</u> | <u>522.021.325.200</u> | <u>(3.925.610.000)</u> | <u>5.893.466.377.674</u> | <u>10.943.661.962.874</u> |
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 4.532.099.870.000 | 522.021.325.200 | (6.040.930.000) | 8.714.514.099.519 | 13.762.594.364.719 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 606.670.477.351 | 606.670.477.351 |
| Phát hành cổ phiếu (*) | 222.212.100.000 | - | 6.040.930.000 | - | 228.253.030.000 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (1.206.980.000) | - | (1.206.980.000) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | <u>4.754.311.970.000</u> | <u>522.021.325.200</u> | <u>(1.206.980.000)</u> | <u>9.321.184.576.870</u> | <u>14.596.310.892.070</u> |

(*) Vào ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 13.518.333 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc sử dụng 604.093 cổ phiếu quỹ và phát hành 12.914.240 cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01_2020/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ/HĐQT-2020 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 4.532.099.870.000 VND lên 4.661.242.270.000 VND vào ngày này.

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 9.306.970 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01_2020/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ/HĐQT-2021 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 4.661.242.270.000 VND lên 4.754.311.970.000 VND vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

| | VND | |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 4.532.099.870.000 | 4.435.461.780.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | 222.212.100.000 | 96.638.090.000 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | <u>4.754.311.970.000</u> | <u>4.532.099.870.000</u> |

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

11.3 Cổ phiếu

| | Số cổ phiếu | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 475.431.197 | 453.209.987 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | | |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 475.431.197 | 453.209.987 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | | |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | (120.698) | (604.093) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 475.310.499 | 452.605.894 |

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | VND | |
|--------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 |
| Thu nhập từ cổ tức | 599.667.580.755 | 3.098.282.492.306 |
| Lãi tiền cho vay | 156.228.439.822 | 64.662.464.789 |
| Khác | 32.444.213 | 7.018.685 |
| TỔNG CỘNG | <u>755.928.464.790</u> | <u>3.162.951.975.780</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i> |
|-----------------|---|---|
| | | VND |
| Chi phí lãi vay | <u>143.288.354.876</u> | <u>63.250.589.089</u> |

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i> |
|--|---|---|
| | | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | <u>608.435.410.942</u> | <u>3.096.711.347.144</u> |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 121.687.082.188 | 619.342.269.429 |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Thu nhập từ cổ tức | (119.933.516.151) | (619.656.498.461) |
| Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại | - | 314.229.032 |
| Chi phí không được khấu trừ | 11.367.554 | - |
| Chi phí thuế TNDN | <u>1.764.933.591</u> | <u>-</u> |

14.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|---|------------------------------|--------------------|--|--|
| | | | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 2.022.500.000.000 | 830.000.000.000 |
| | | Cổ tức | 599.667.580.755 | 3.098.282.491.617 |
| | | Lãi cho vay | 148.669.191.944 | 62.130.563.419 |
| | | Góp vốn | - | 799.556.780.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Tạm ứng | 1.828.160.000.000 | 110.000.000.000 |
| | | Góp vốn | - | 2.083.559.970.000 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi cho vay | 2.310.792.739 | 2.531.901.370 |
| | | Cho vay | - | 60.575.000.000 |
| Ông Robert Willet | Thành viên Hội đồng Quản trị | Chi phí tư vấn | 1.069.372.209 | 1.165.770.034 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|---|-------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------|
| | | | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Phải thu cho vay ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 2.981.080.000.000 | 1.555.800.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 60.575.000.000 | 60.575.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 3.041.655.000.000 | 1.616.375.000.000 |
| Phải thu cho vay dài hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 1.126.500.000.000 | 1.126.500.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Tạm ứng | 1.828.160.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi cho vay | 32.085.386.942 | 41.154.416.062 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi cho vay | 2.310.792.741 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 1.862.556.179.683 | 41.154.416.062 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Tạm ứng cổ tức Chi hộ | 150.000.000.000 | - |
| | | | 10.450.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Chi hộ | 50.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 150.010.500.000 | - |


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Chia cổ tức cho Cổ đông hiện hữu

Vào ngày 2 tháng 7 năm 2021, Công ty công bố chia cổ tức bằng tiền với tổng giá trị là 475.431.197.000 VND và bằng cổ phiếu với tỉ lệ 2:1 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho các Cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01_2021/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 15 tháng 5 năm 2021 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ/HĐQT-2021 ngày 2 tháng 7 năm 2021.

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Ngày 29 tháng 7 năm 2021